TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Bà Lê Thị Thu Huyền;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.
- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 1990; ĐKHKTT: Xóm L, xã V, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Hà Thanh H, sinh năm 1987; ĐKHKTT: Xóm M, xã V, huyện T, tỉnh P. Hiện nay anh H đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc.

(Chị L, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày: Chị và anh Hà Thanh H đăng ký k ết hôn ngày 13/12/2010 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh P. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hi ểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh tại xóm M, xã V, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chung sống không có hạnh phúc. Năm 2012 anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Năm 2015 anh có về thăm gia đình một thời gian ngắn rồi lại quay trở lại Hàn Quốc , hiện nay anh đang lao động tại Hàn Quốc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay , chị đã chuyển khẩu về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm L, xã V, huyện T, tỉnh P. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Thanh H.

Về con chung: Chị Hà Thị L xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Như Q, sinh ngày 24/6/2011, hiện nay cháu Q đang sinh sống cùng chị. Khi ly hôn

chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không đề nghị anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị . Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị L xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh L yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn anh Hà Thanh H trình bày: Anh và chị Hà Thị L đăng ký kết hôn ngày 13/12/2010 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kế t hôn hai bên được tự do tìm hi ểu, đăng ký kết hôn tự nguyện , không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh tại xóm M , xã V, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau , bất đồng quan điểm sống, lối sống, chung sống không có hạnh phúc . Năm 2012 anh đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc đến năm 2015 anh có về thăm gia đình một thời gian ngắn rồi lại quay trở lại Hàn Quốc làm việc và hiện nay anh đang lao động tại Hàn Quốc. Nay chị L xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Hà Thanh H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Như Q, sinh ngày 24/6/2011, hiện nay cháu Q đang sinh sống cùng chị . Khi ly hôn anh đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng gó p: Anh xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị L xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị L và anh Hà Thanh H. Về con chung: Giao cháu Hà Như Q, sinh ngày 24/6/2011 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q thành niên. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đương sự không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyệnchịu án phí theo quy định của pháp luật của chịHà Thị L

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Hà Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Thanh H là quan hệ "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, chị L trình bày hiện anh đang sống và làm việc tại Hàn Quốc . Tại văn bản số 900/QLXNC-P5 ngày 20/01/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (BL 39) xác nhận: Anh Hà Thanh H đã xuất nhập cảnh 07 lần , hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước . Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.Các

đương sự vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung

[2]. Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Hà Thị L và anh Hà Thanh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh P ngày 13/12/2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Do vợ chồng không tìm đươc tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hai bên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau,anh H và chị L tình cảm không còn đã ly thân từ năm 2012, tình cảm xa cách lại càng xa cách khi anh H đi lao động tại Hàn Quốc, do vậy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L và anh H đều thống nhất thuận tình ly hôn. Tòa án xem xét công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị L và anh Hà Thanh H. Hiện nay anh Hà Thanh H đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, đơn đề nghị đề ngày 12/02/2020 của anh H không được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Điều 124 Luật hôn nhân và gia đình.Theo yêu cầu của chị Hà Thị L, Tòa án nhân dân tỉnh P đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P giám định dấu vân tay trong đơn đề nghị mà anh H gửi về từ Hàn Quốc. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ (BL 56) đã kết luận: "Dấu vân tay in dưới chữ "Ngón trỏ phải " trong "Đơn đề nghị" ghi ngày 12/02/2020 (Ký hiệu A 2) với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ phải trên Giấy chứng minh nhân dân số 131661350 họ tên Hà Thanh H, sinh năm 1987, nơi ĐKHKTT: V, T, P (Mẫu so sánh) là cùng của một người.Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc anh Hà Thanh H thuận tình ly hôn với Hà Thị L là hoàn toàn tự nguyện.

[3]. Về con chung: Giao cháu Hà Như Q, sinh ngày 24/6/2011 cho chị Hà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hà Thanh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L do chị L không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, công nợ và về công sức đóng góp: Chị Hà Thị L và anh Hà Thanh H đều xác nhận không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia gia đình sơ thẩm.

[6]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81, 82, 83; Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị L và anh Hà Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Như Q, sinh ngày 24/6/2011 cho chị Hà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi thành niên. Anh Hà

Thanh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L do chị L không yêu cầu.

Không ai có quyền cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung , công nợ, công sức đóng góp : Chị Hà Thị L và anh Hà Thanh H thống nhất xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí : Chị Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/001264 (không đề ngày, tháng, năm) của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã V, H. T, T. P
- Các đương sự;
- Lưu: HS- AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thu Huyền